

NGHỆ THUẬT CHƠI CHỮ QUA CHẶNG HÁT ĐÓ - HÁT ĐỐI NAM NỮ TRONG *HÁT PHƯỜNG VẢI*

ĐỖ THỊ KIM LIÊN*

TÓM TẮT: Hát phường vải Nghệ Tĩnh là một thể hát ví đối đáp giao duyên sinh động giữa bên nam và bên nữ có quy tắc cấu tạo chặt chẽ, độc đáo, và theo phương thức nghệ thuật mang đặc trưng “xứ Nghệ”. Bài viết tập trung phân tích nghệ thuật chơi chữ qua chặng 2: Hát đố (do bên nữ thể hiện) - Hát đối (do bên nam thể hiện) để đáp lại lời trao của bên nữ.

Qua số liệu thống kê cuốn *Hát phường vải* do Ninh Việt Giao sưu tầm và biên soạn, tổng số 45 cặp hát đố - hát đối hai bên nam nữ, có thể quy về 6 tiểu nhóm sau: 1/Chơi chữ đồng âm nhưng khác nghĩa (có 2 bậc); 2/Chơi chữ khác âm nhưng đồng nghĩa (từ thuần Việt - từ Hán Việt); 3/Chơi chữ cụm từ trái nghĩa với cụm từ nhờ ngữ cảnh; 4/Chơi chữ nói lái (kiểu Nghệ Tĩnh); 5/Chơi chữ từ Hán Việt đồng nghĩa từ thuần Việt; 6/Chơi chữ từ đồng âm (đơn âm) khác nghĩa.

TỪ KHOA: Chơi chữ; hát đố; hát đối; phương thức; ngữ cảnh.

NHẬN BÀI: 11/06/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 09/09/20926

1. Đặt vấn đề

Hát phường vải (viết tắt HPV) không phải là ngôn ngữ trao đổi bằng lời trong cuộc sống thường nhật, cũng không có tính chất “đại diện chung” cho tất cả các hành động ngôn ngữ trong xã hội. Nội dung thông tin trong giao tiếp khi HPV không hoàn toàn là “một cái gì đó” mà người nghe hay người tiếp nhận chưa biết. Do vậy, việc xem xét đặc điểm ngôn ngữ các vai giao tiếp nam, nữ trong phần nghiên cứu này sẽ căn cứ vào lời hát nói, gồm cả bình diện nội dung và hình thức biểu hiện của những thông điệp ngôn ngữ, qua đó “những người trao đổi lời với nhau tự thể hiện mình”. Vì thế, giao tiếp được hiểu là sự trao đổi thông tin qua lại bằng lời giữa ít nhất hai người với những thông điệp bằng ngôn ngữ trong một ngữ cảnh nhất định, hướng tới mục đích là tự thể hiện mình (về thái độ, tình cảm, suy nghĩ, cảm xúc, quan điểm...). Việc xem xét ngôn ngữ giao tiếp ở đây còn căn cứ trên tính đặc thù của giao tiếp trong HPV so với giao tiếp thông thường, trong đó, phải kể đến: tính nghệ thuật cao hơn, ngôn từ trau chuốt hơn, quy trình bài bản hơn... Do đó, đã có một số bài viết, đề tài đi sâu nghiên cứu tính nghệ thuật trong việc sử dụng ngôn từ, quy trình thể hiện lời, nội dung lời hát bên nữ có sự khác biệt với bên nam (Nguyễn Thị Thúy Hà, 2014; Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, 1992; Vũ Tố Hảo, 1990; Duy Hưng, 2014).

2. Chức năng của ngôn ngữ trong giao tiếp

Về phương diện lý thuyết, từ lâu, ngôn ngữ được coi là phương tiện thực hiện chức năng giao tiếp. Theo hai nhà phân tích diễn ngôn là Brown P. và Levinson S (1987) thì cho “trong quá trình giao tiếp, ngôn ngữ thực hiện hai chức năng chính là *chức năng giao dịch* và *chức năng liên nhân*. *Chức năng giao dịch* (còn được gọi là *chức năng biểu hiện*, *quy chiếu*, *quan niệm*, *miêu tả*) là chức năng của ngôn ngữ được dùng trong việc diễn đạt kinh nghiệm, diễn đạt các “mệnh đề”. *Chức năng liên nhân* (hay còn được gọi là *chức năng tương tác*, hoặc *bộc lộ*, hoặc *biểu cảm*, hoặc *bộc lộ - xã hội*) là chức năng của ngôn ngữ được dùng trong việc diễn đạt các quan hệ xã hội và các thái độ của cá nhân (Brown P & Levinson S., 1987, tr.21).

Việc phân biệt hai chức năng trên của ngôn ngữ trong giao tiếp không có nghĩa một diễn ngôn (văn bản) chỉ có duy nhất chức năng này và loại trừ chức năng kia, mà chỉ có thể nói đến sự nổi trội của một trong hai chức năng đó trong một diễn ngôn cụ thể, ứng với một hoàn cảnh giao tiếp cụ thể. Chẳng hạn, *chức năng giao dịch* được thể hiện rõ trong tục ngữ, ca dao - dân ca về lao động sản xuất,

*GS.TS; Đại học Phương Đông, Hà Nội; Email: dothikimlien280651@gmail.com

hoặc trong các diễn ngôn được thực hiện nhằm trao đổi thông tin đòi hỏi chi tiết, chính xác. Còn *chức năng liên nhân* nổi trội trong các trường hợp cần sử dụng ngôn ngữ để thiết lập và duy trì các quan hệ xã hội. Theo đó, trong khi các nhà ngôn ngữ học, các nhà triết học - ngôn ngữ hướng sự quan tâm tới *chức năng giao dịch* thì các nhà xã hội học và xã hội học - ngôn ngữ lại thường đề cập tới *chức năng liên nhân*.

Với việc nghiên cứu ngôn ngữ trong Hát phường vải, *chức năng liên nhân* của ngôn ngữ trong giao tiếp là cơ sở để chỉ ra quan hệ giữa các vai giao tiếp nam và nữ, bởi vì, trong HPV chủ yếu là ngôn ngữ đối đáp giữa hai vai giao tiếp là vai nam và vai nữ.

3. Chơi chữ thể hiện qua chặng Hát đố - Hát đối nam, nữ

3.1. Khái niệm chơi chữ

Chơi chữ, theo nghĩa rộng, là việc sử dụng ngôn ngữ một cách khéo léo, sáng tạo để tạo ra các hiệu ứng thú vị, hài hước, hoặc bất ngờ, thường thông qua việc khai thác các đặc điểm về âm thanh, ý nghĩa của từ ngữ. *Chơi chữ* là một phương thức tu từ trong đó người ta lợi dụng những hiện tượng đồng âm, đa nghĩa...trong ngôn ngữ để gây một tác dụng nhất định trong lời nói (hài hước, châm biếm, bóng gió, vui đùa...) (Nguyễn như Ý, chủ biên, *Đại từ điển tiếng Việt*, tr.291). Như vậy, phương thức chơi chữ là nghệ thuật sử dụng linh hoạt các đặc điểm về âm và nghĩa của từ ngữ. Mục đích của phương thức này là tạo ra các tầng nghĩa, đa nghĩa của từ ngữ, gây hài hước, dí dỏm, sâu sắc trong giao tiếp, giúp câu văn, câu thơ, lời nói trở nên sinh động, hấp dẫn hơn, đặc biệt trong lời hát đố - hát đối nam nữ trong HPV.

Theo cách hiểu về phương thức chơi chữ trên, chúng tôi đi sâu phân tích lời hát đố bên nữ hát trước hướng đến bên nam. Nghe xong, bên nam hát đối lại bên nữ. Mục đích bên nam đối lại bên nữ đố không chỉ là đúng sai, tìm từ được hay không mà cái chính là thử trí tuệ, tài năng của hai bên. Tham gia cuộc hát, họ có thể trai thanh gái lịch chưa vợ chưa chồng hoặc đã có vợ có chồng, nhưng vì mê HPV mà đến chung vui. Vì thế, mở đầu hai bên nam nữ gặp nhau, đứng cách hàng rào, hát báo cho nhau biết, gọi là hát dạo:

Ai có chồng nói chồng đừng sợ/ Ai có vợ nói vợ đừng ghen/ Đến đây hò hát cho quen/ Rạng ngày ai về nhà nấy há lẽ ngọn đèn hai tim. [HPV, I, tr.140].

3.2. Những phương thức chơi chữ trong HPV

Từ tư liệu thống kê cuốn *Hát phường vải* do Ninh Viết Giao sưu tầm và biên soạn, Hát đố (bên nữ hát) - Hát đối (bên nam hát) thuộc chặng hát thứ hai. Phần này có tổng số 45 cặp đố - đối, nhưng thuộc phương thức chơi chữ có 28 cặp [xem Ninh Viết Giao, I], được chia thành sáu tiểu nhóm:

Thứ nhất, bên nữ hát đố bên nam theo mô hình (viết tắt MH), chơi chữ (viết tắt CC), thuần Việt (viết tắt TV), Hán Việt (viết tắt HV) theo thứ tự các tiểu nhóm từ 1 đến 6.

MH Đố CC 1a	Chơi chữ đồng âm khác nghĩa (có 2 bậc)
-------------	--

Trong ngôn ngữ, từ đồng âm (khác nghĩa) là những từ phát âm giống nhau hay cấu tạo âm thanh giống nhau nhưng nghĩa lại hoàn toàn khác nhau (gọi là đồng âm). Trong tiếng Việt, ta thường gặp phương thức chơi chữ từ thuần Việt và từ thuần Việt, trong đó có hiện tượng đồng âm nhưng khác nghĩa.

Trong HPV, trước hết, ta gặp phương thức chơi chữ bằng cách ghép từ với từ tạo thành từ mới. Nét độc đáo, là từ mới, mang 2 nghĩa, được gọi là chơi chữ đồng âm khác nghĩa 2 bậc.

VD 1a: - *Ai xô ông Tể, ông Tể Ngã,*

*Ai lôi ông Phàn ông Phàn Trì?*¹

Chàng mà đối được, thiếp nữ nhi theo về. [HPV, I, tr.181]

Ở VD 1a trên, phương thức chơi chữ được thể hiện: Câu (dòng) thứ nhất có “xô” là xô đẩy làm ông Tể Ngã mang hai nghĩa: a) ông Tể Ngã (tên riêng); b) ông Tể Ngã (ông Tể - tức tể tướng - chức quan to) ngã xuống. Câu (dòng) thứ hai cũng mang hai nghĩa: a) ông Phàn Trì (tên riêng); b) ông Phàn Trì (chỉ hành động trì xuống, kéo lại).

Câu (dòng) thứ ba đứng cuối là câu thách đố của bên nữ là nếu bên nam đối được, bên nữ theo bên nam.

- Nghe xong, bên nam hát đối lại bên nữ theo mô hình 1b:

MH Đối CC 1b	Chơi chữ đồng âm khác nghĩa (có 2 bậc)
--------------	--

VD1b: - *Ai đáp ông Cô mà ông Cô Trúc,*

Ai đơm vua Vũ mà vũ (múa) Vũ Vương (điệu Vũ Vương)?

Anh đã đối được thì nường tính rằng (sao) [HPV, I, tr.181]

Trong VD 1b, ta gặp phương thức chơi chữ được thể hiện: ghép từ với từ thành cụm từ mang hai nghĩa (đồng âm nhưng khác nghĩa): a) Câu (dòng) thứ nhất có 8 tiếng với nghĩa là ông *Cô Trúc* (Tên riêng); b) Ai đáp ông Cô mà ông *Cô Trúc* thì “đạp” là dùng chân tác động đến người khác khiến ông Cô - Trúc (tức hành động ngã); câu (dòng) thứ hai cũng 8 tiếng mang hai nghĩa: a) Tên riêng (*vua Vũ*); b) Ai đơm vua Vũ mà vũ (múa) *Vũ Vương* (điệu *Vũ Vương*).

Câu (dòng) thứ ba đứng cuối là câu đối lại lời thách đố của bên nữ để khẳng định đã đáp ứng yêu cầu của bên nữ.

Anh đã đối được thì nường tính rằng? [HPV, I, tr.181]

Thứ hai, bên nữ hát đố bên nam theo mô hình 2a. Chơi chữ khác âm nhưng đồng nghĩa:

MH Đố CC 2a	Chơi chữ khác âm nhưng đồng nghĩa
-------------	-----------------------------------

VD 2a: - *Con khái trắng đi qua cầu Bạch hổ,*

Con rồng vàng uốn khúc Hoàng Long.

Chàng mà đối được thiếp theo không chàng về. [HPV, I, tr.182]

Ở VD 2a trên, ta gặp phương thức chơi chữ bằng cách dùng hai từ khác âm nhưng đồng nghĩa, đó là: ở câu (dòng) thứ nhất 8 tiếng, ta có từ *khái trắng* là con vật (*khái* - tiếng địa phương Nghệ Tĩnh là *hổ*) có màu da nổi trội (*trắng*) (từ thuần Việt) thực hiện hành động (*đi qua*) ở vị trí “*cầu*” có tên là “*bạch hổ*” (từ Hán Việt) cũng có nghĩa là “*khái trắng*”. Ở câu thứ hai 7 tiếng, trong đó có con vật *rồng* với màu sắc bên ngoài *vàng* (từ thuần Việt), có dáng uốn khúc *Hoàng Long* thì *Hoàng Long* là từ HV chỉ dáng vẻ, cũng mang nghĩa *rồng vàng*. Cả hai câu được cấu tạo theo phép chơi chữ khác âm nhưng đồng nghĩa - Từ thuần Việt đồng nghĩa với từ Hán Việt. Câu (dòng) thứ ba đứng cuối bài hát đố là câu thách đố (nếu bên nam đối được thì bên nữ theo không chàng về). Như vậy, mục đích hát đố - hát đối hai bên nam nữ là gián tiếp bộc lộ tình cảm, giao duyên.

- Nghe bên nữ hát đố xong, bên nam đối lại cũng theo mô hình mà bên nữ đố là Chơi chữ khác âm nhưng đồng nghĩa.

MH Đối CC 2b	Chơi chữ khác âm nhưng đồng nghĩa (thuần Việt - Hán Việt)
--------------	---

VD 2b: - *Lũ giống đen chỉ vì hắc chủng,*

Ông giời xanh chuyển động thanh thiên.

Chàng đã đối được, thiếp phải trao duyên cho chàng. [HPV, I, tr.182]

Trong VD 2b trên, bên nam hát đối lại bên nữ, ở câu (dòng) thứ nhất 7 tiếng, ta gặp phương thức chơi chữ khác âm nhưng đồng nghĩa, đó là *giống đen* (thuần Việt) khác âm với *hắc chủng* nhưng lại đồng nghĩa với *hắc chủng* (Hán Việt), và ở câu (dòng) thứ hai cũng 7 tiếng theo phép chơi chữ *giời xanh* (thuần Việt) khác âm nhưng đồng nghĩa với *thanh thiên* (Hán Việt).

Thứ ba, bên nữ hát đố bên nam theo mô hình 3a Chơi chữ cụm từ trái nghĩa với cụm từ nhờ ngữ cảnh.

MH Đối CC 3a	Chơi chữ cụm từ trái nghĩa với cụm từ nhờ ngữ cảnh
--------------	--

VD 3a: - *Con ngựa chạy giữa đàng nói con ngựa cát,*

Con cá bán giữa chợ nói con cá thu.

Chàng mà đối được thiếp làm du (dâu) mẹ thầy. [HPV, I, tr.182]

Ở VD 3a, ta gặp ở câu (dòng) thứ nhất có 9 tiếng được chia làm hai bộ phận có cấu tạo là cụm từ và cụm từ, đứng giữa là động từ NÓI (HĐ của người ngoài); b. Cụm từ (bộ phận) thứ nhất đứng trước /NÓI/ có 5 tiếng được chọn làm xuất phát điểm: (Con) *ngựa chạy giữa đàng*, bộ phận thứ hai đứng sau động từ NÓI (con) *ngựa cát*. Hai bộ phận này, xét về nghĩa được xem là trái nghĩa nhờ ngữ

cảnh. Về bản chất ngữ nghĩa và từ loại, chúng không trái nghĩa. Ở câu (dòng) thứ hai cũng có 9 tiếng, trong đó (Con) *cá bán giữa chợ* có 5 tiếng được chọn làm xuất phát điểm đứng trước động từ NÓI và bộ phận thứ hai đứng sau NÓI (con) *cá thu*” (cắt/ dấu). Hai bộ phận này được xem là trái nghĩa nhờ ngữ cảnh. Câu (dòng) thứ ba, đứng cuối là câu thách đố của bên nữ đối với bên nam.

Như vậy, ở đây, ta gặp lối nói trái nghĩa bên nữ đó, bên nam đối là nhờ dựa vào ngữ cảnh, được thể hiện thành bảng. Xem Bảng 1 và Bảng 2; Bảng 3 và Bảng 4.

Bảng 1. *Cụm từ trái nghĩa với cụm từ nhờ ngữ cảnh (bên nữ đó)*

Câu thứ nhất có bộ phận thứ nhất chứa cụm từ A được chọn làm xuất phát điểm	Từ chỉ hành động NÓI	Bộ phận thứ hai chứa cụm từ B - trái nghĩa nhờ ngữ cảnh
(Con) <i>ngựa chạy giữa đàng</i>	NÓI	(Con) <i>ngựa cắt</i>

Bảng 2. *Cụm từ trái nghĩa với cụm từ nhờ ngữ cảnh (bên nam đối)*

Câu thứ hai có bộ phận thứ nhất chứa cụm từ A được chọn làm xuất phát điểm	Từ chỉ hành động NÓI	Bộ phận thứ hai chứa cụm từ B - trái nghĩa nhờ ngữ cảnh
<i>Con cá bán giữa chợ</i>	NÓI	<i>Con cá thu (dấu)</i>

- Nghe bên nữ hát đố xong, bên nam hát đối lại theo mô hình 3b Cụm từ trái nghĩa với cụm từ nhờ ngữ cảnh.

VD 3b: - *Con rắn bò giữa đàng nói con rắn lại.*

Con cá lội dưới nước nói con cá leo.

Anh đây đối được, anh lôi em về. [HPV, I, tr.182]

Bảng 3. *Cụm từ trái nghĩa với cụm từ nhờ ngữ cảnh (bên nữ đó)*

Câu thứ nhất có bộ phận thứ nhất chứa cụm từ A được chọn làm xuất phát điểm	Từ chỉ hành động NÓI	Bộ phận thứ hai chứa cụm từ B - trái nghĩa nhờ ngữ cảnh
<i>Con rắn bò giữa đàng</i>	NÓI	<i>Con rắn lại (đến)</i>

Bảng 4. *Cụm từ trái nghĩa với cụm từ nhờ ngữ cảnh (bên nam đối)*

Câu thứ nhất có bộ phận thứ nhất chứa cụm từ A được chọn làm xuất phát điểm	Từ chỉ hành động NÓI	Bộ phận thứ hai chứa cụm từ B - trái nghĩa nhờ ngữ cảnh
<i>Con cá lội dưới nước</i>	NÓI	<i>Con cá leo (lên)</i>

Qua so sánh Bảng 1 với Bảng 2; Bảng 3 với Bảng 4, chúng tôi xem dạng này thuộc tiểu nhóm trái nghĩa ngữ cảnh, tức bình thường chúng không phải là trái nghĩa nhưng ở vào ngữ cảnh cụ thể trong câu HPV thì được xem là chơi chữ trái nghĩa.

Thứ tư, bên nữ hát đố bên nam theo mô hình 4a Chơi chữ nói lái

MH Đố CC 4a	Chơi chữ nói lái kiểu Nghệ Tĩnh (thay đổi vị trí PAĐ)
-------------	---

VD 4a: - *Anh bút cỏ ngựa ngồi đầu cửa Ngõ (ngõ),*

Kẻ bắn con này (nai) ngồi cội (gốc) cây non,

Chàng mà đối được, thiếp trao tròn một quan? [HPV, I, tr.182]

Trong VD 4a, ta gặp ở câu (dòng) thứ nhất có 8 tiếng, trong đó có từ thứ nhất *cỏ ngựa* được chuyển đổi vị trí phụ âm đầu (PAĐ) theo phương thức nói lái của người Nghệ Tĩnh (*cỏ ngựa* → được nói lái thành *cửa ngõ* (tức cửa ngõ), và ở câu (dòng) thứ hai cũng 8 tiếng có từ (*con này*) chuyển đổi vị trí PAĐ → (*cây non*). Còn câu (dòng) thứ 3 đứng cuối cùng là HĐ thách đố của bên nữ đưa ra (*một quan tiền*).

- Nghe bên nữ hát đố xong, bên nam hát đối lại theo mô hình 4b giống với bên nữ đó.

MH Đối CC 4b	Chơi chữ nói lái kiểu Nghệ Tĩnh (thay đổi vị trí PAĐ)
--------------	---

VD 4: - Con cá đối nằm trên cối đá,

Con mèo cụt nằm tận mút kèo.

Trai thanh tân anh đà đốiặng tiền cheo mô mà? [HPV, I, tr.182]

Ở VD 4b do bên nam đối, ta gặp từ *Cá đối* → *cối đá*; *mèo cụt* → *mút kèo*. Lối nói lái này có từ khá sớm, giống lối nói lái của Hồ Xuân Hương (năm 1772) từ cuối thế kỉ XVIII viết câu thơ đường luật: Quán Sứ mà sao khách vắng teo?/ Hỏi thăm sư cụ *đáo nơi neo?* [Chùa Quán sứ]. Bà được Xuân Diệu mệnh danh là bà chúa thơ Nôm.

Thứ năm, bên nữ hát đối bên nam theo mô hình 5a Chơi chữ Từ HV đồng nghĩa từ TV, ta gặp 3 cặp: trao đổi - đáp đối.

MH Đối CC 5a	Chơi chữ Từ HV đồng nghĩa từ TV
--------------	---------------------------------

VD 5a): - Cây tam thất trông ba bảy chậu,

Pháo cứu trùng đốt nổ chín nghìn phong,

Chàng mà đối được, thiếp theo không chàng về? [HPV, I, tr.183]

Ở VD 5a trên, câu thứ nhất có từ *tam thất* là từ Hán Việt đồng nghĩa với từ thuần Việt *ba bảy* (chậu); câu thứ hai, có từ *cứu trùng* (tức *chín chín*) là từ Hán Việt đồng nghĩa với từ *chín nghìn* là từ thuần Việt, cũng là (*cứu trùng*).

- Nghe bên nữ hát đối xong, bên nam hát đối lại theo mô hình 5b từ *thuần Việt* đồng nghĩa với từ *Hán Việt*:

VD 5b: - Núi ngũ hổ vẫy vùng năm khải,

Gió bốn mùa đúc lại tứ phương,

Anh đã đối được thì gái bốn mùa tính sao? [HPV, I, tr.183]

Ở VD 5b với lời hát đối của nam trên, câu thứ nhất cũng có từ Hán Việt là *ngũ hổ* đối cụm từ thuần Việt *năm khải* (*khải* - từ địa phương Nghệ Tĩnh - *hổ*).

- Tương tự, ta gặp VD 5c, cũng do bên nữ đối theo mô hình từ Hán Việt đồng nghĩa từ thuần Việt:

VD5c: - Mẹ thương con qua cầu Ái Tử,

Gái trông chồng đứng núi Vọng Phu,

Chàng mà đối được thiếp làm du (dâu) mẹ thấy. [HPV, I, tr.183]

Ở VD 5c trên, ở câu (dòng) thứ nhất có từ *thương con* là từ thuần Việt đồng nghĩa với từ Hán Việt (cầu) *Ái Tử* tức (*trông con*); câu thứ hai có từ *trông chồng* là từ thuần Việt đồng nghĩa với từ Hán Việt (núi) *Vọng Phu*, tức (*trông chồng*).

- Nghe bên nữ hát đối xong, bên nam đã hát đối lại theo mô hình 5d của bên nữ là từ *thuần Việt* đối từ *Hán Việt*:

VD 5d: - Lúa ba trắng cây hồ bán nguyệt,

Con hươu sao ăn lá hoàng tinh,

Anh đã đối được, em thuận tình theo nha. [HPV, I, tr.183]

Ở VD 5d trên, bên nam hát đối lại theo mô hình từ thuần Việt đồng nghĩa với từ Hán Việt. Câu (dòng) thứ nhất có 7 tiếng, trong đó có *trắng* là từ thuần Việt đồng nghĩa với *nguyệt* là từ Hán Việt, câu (dòng) thứ hai cũng 7 tiếng, trong đó có *hươu* (thuần Việt) đồng nghĩa với *tinh* là Hán Việt chỉ một con hươu thuộc loài "hươu sao" ăn lá của loài cây tên là "hoàng tinh".

- Tương tự, ta gặp VD 5đ) có mô hình từ Hán Việt đồng nghĩa từ thuần Việt :

MH Đối CC 5đ	Chơi chữ Từ HV đồng nghĩa từ TV
--------------	---------------------------------

VD 5đ: - Con kiến đất leo cây thục địa,

Con ngựa giời ăn cỏ chỉ thiên,

Chàng mà đối được gái thuyền quyên xin về. [HPV, I, tr.183]

Ở VD 5đ trên, câu thứ nhất, có từ *kiến đất* là từ thuần Việt đồng nghĩa với từ Hán Việt (cây) *thục địa*. Theo đông y, *kiến đất* (sinh địa) và *thục địa* là hai dạng của cùng một loại dược liệu, đó là rễ cây địa hoàng. Câu thứ hai có từ *giời* là từ thuần Việt đồng nghĩa với từ *thiên* (trời) là từ Hán Việt.

- Nghe bên nữ hát đối xong, bên nam hát đối lại theo mô hình 5e từ *thuần Việt* đồng nghĩa với từ *Hán Việt*:

MH Đối CC 5e	Chơi chữ từ TV đồng nghĩa với từ HV
--------------	-------------------------------------

VD 5e: - Con rắn mà lặn qua xà,

Con gà mà mổ bóng kê,

Chàng mà đối được thiếp phải về hôm nay. [HPV, I, tr.183]

Ở VD 5e trên, câu (dòng) thứ nhất (7 tiếng), có từ *rắn* là từ thuần Việt đồng nghĩa với từ Hán Việt là *xà*; câu (dòng) thứ hai (7 tiếng) có từ *gà* là từ thuần Việt đồng nghĩa với từ *kê* là từ Hán Việt. Câu (dòng) thứ ba kết thúc thể hiện thái độ của bên nam rằng mình trả lời đạt yêu cầu, tạo tiếng cười dí dỏm.

Thứ sáu, bên nữ hát đối bên nam theo mô hình chơi chữ Từ TV đồng âm (đơn tiết) khác nghĩa.

MH Đối CC 6a	Chơi chữ Từ đồng âm (đơn tiết) TV nhưng khác nghĩa TV
--------------	---

VD 6a: - Chi là chung, chi là đỏ, chi là oi,

Rượu bỏ đào anh không uống lấy gì mà say? [HPV, I, tr.184]

Trong VD 6a trên, câu thứ nhất *Chi* là chung, *chi* là đỏ, *chi* là oi, được hiểu: "Cái gì (1) là để chung (hay chung), cái gì (2) là để đỏ, cái gì (3) là để oi (than thở); Câu (dòng) thứ hai: Rượu bỏ đào anh không uống thì lấy gì mà say?" nhằm diễn tả sự ngạc nhiên, thắc mắc về ý nghĩa của những thứ xung quanh, và sau đó là một câu hỏi tu từ về việc không có rượu bỏ đào (rượu vang) thì làm sao có thể say. Từ "*chi*" có nguồn gốc từ tiếng Hán nhưng đã được Việt hóa và được sử dụng rộng rãi trong tiếng Việt.

Như vậy, ở VD 6a trên, câu thứ nhất, có từ *chi* là từ đồng âm khác nghĩa: *chi* là chung, *chi* là đỏ, *chi* là oi; câu thứ hai thể hiện thái độ thách đố của bên nữ với bên nam: Rượu bỏ đào anh không uống lấy gì mà say? → Hành động ngôn ngữ gián tiếp của bên nữ bày tỏ tình cảm với bên nam.

- Nghe bên nữ hát đối xong, bên nam hát đối lại theo mô hình 6b chơi chữ Từ HV đồng âm khác nghĩa.

MH Đối CC 6b	Chơi chữ Từ đồng âm HV nhưng khác nghĩa
--------------	---

VD 6b: - Trung là trung, trung là giữa,

Xích xuống tí nữa thì trung là ngay,

Anh không say vì rượu, chỉ say ngãi nàng? [HPV, I, tr.184]

Ở VD 6b trên, câu thứ nhất và câu thứ hai có từ *trung* cũng là từ đồng âm khác nghĩa, *trung* có ba nghĩa sau: *trung* là trung, *trung* là giữa, *trung* là ngay. Câu thứ ba đứng cuối bài hát đối thể hiện tình cảm hái độ đối lại lời thách đố của bên nam với bên nữ: - Anh không say vì rượu, chỉ say vì tình → thể hiện thái độ hiểu rõ dụng ngôn của bên nữ nên đã đáp lại đúng nghĩa, không đi chệch hướng.

- Tương tự, ta gặp dạng bên nữ hát đối bên nam theo mô hình 6c Từ đồng âm HV khác nghĩa:

MH Đối CC 6c	Chơi chữ Từ đồng âm HV khác nghĩa với từ TV
--------------	---

VD 6c: - Kim là vàng, kim là nay,

Phùng là gặp, phùng là may,

Tối hôm nay may gặp bạn tương phùng,

Kim vàng may tấm tình chung nỉ vàng. [HPV, I, tr.184]

Ở VD 6c trên có 4 câu (dòng), câu (dòng) thứ nhất có từ *kim* là từ Hán Việt thuộc nhóm đồng âm có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất là *vàng* (chỉ vàng là kim loại thật) và nghĩa thứ hai là *nay* (chỉ thời gian hiện tại, trái nghĩa với từ chỉ cổ xưa), câu (dòng) thứ hai có từ *phùng* cũng thuộc tiểu nhóm đồng âm khác nghĩa có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất là *gặp* (nhau) và nghĩa thứ hai là *may*. Câu (dòng) ba và bốn thể hiện tình cảm bên nữ mong muốn kết tình với bên nam.

- Nghe bên nữ hát đối xong, bên nam hát đối lại cũng theo mô hình 6d từ Hán Việt đồng âm nhưng khác nghĩa.

MH Đối CC 6d	Chơi chữ Từ đồng âm HV khác nghĩa với từ TV
--------------	---

VD 6d: - Đặng là đèn, đặng là lên²,

Thành là thật, thành là nên³,

Lập tâm thành chí mới nên

Toan đem tay ngọc gạt thêm ngọn đèn. [HPV, I, tr.184]

Ở VD 6d lời hát đối của nam trên, câu (dòng) thứ nhất có từ *đăng* là từ Hán Việt thuộc nhóm đồng âm có hai nghĩa, nghĩa thứ nhất là *đèn*, nghĩa thứ hai là *lên*; câu (dòng) thứ hai có từ *thành* là từ Hán Việt thuộc nhóm đồng âm cũng có hai nghĩa, nghĩa thứ nhất là *thật* và nghĩa thứ hai là *nên*. Câu (dòng) ba và bốn thể hiện bên nam cũng giành cho bên nữ lòng mong muốn kết gắn tình cảm.

4. Kết luận

Qua phân tích và mô tả nội dung nghĩa, phương thức cấu tạo lời Hát đố - Hát đối chặng thứ hai giữa nam và nữ trong HPV, có thể rút ra kết luận như sau:

- HPV là một thể hát ví sinh động giữa bên nam và bên nữ. Khi hát mỗi bên đều sử dụng những phương thức tu từ khác nhau, đặc biệt, ở chặng thứ hai hát đố - hát đối, hai bên nam nữ đã sử dụng phương thức chơi chữ một cách đa dạng, sinh động, thể hiện trí thông minh nhằm mục đích gây tiếng cười sảng khoái và mục đích gián tiếp với nghĩa hàm ẩn là kết gắn tình cảm nam nữ (giao duyên). Đó là 6 phương thức: 1/Chơi chữ đồng âm (khác nghĩa); 2/Chơi chữ khác âm đồng nghĩa; 3/Chơi chữ trái nghĩa trong ngữ cảnh; 4/Chơi chữ nói lái; 5/Chơi chữ từ Hán Việt đồng nghĩa với từ thuần Việt; 6/Chơi chữ từ Hán Việt đồng âm nhưng có hai nghĩa. Trong 6 tiểu nhóm chơi chữ đã trình bày trên thì tiểu nhóm thứ sáu Chơi chữ từ Hán Việt đồng âm nhưng khác nghĩa từ thuần Việt được sử dụng với số lượng nhiều nhất.

- HPV Nghệ Tĩnh có những đặc trưng riêng của phương ngữ Nghệ Tĩnh, đó là bên cạnh sự tham gia hát vui của quần chúng trực tiếp lao động sản xuất còn có cả các nho sĩ - tầng lớp có học vấn cao, có đọc sách tiếng Hán uyên thâm tham gia nên họ đem trí tuệ, tình cảm gửi vào lời Hát đố - Hát đối làm cho lời hát thu hút đông đảo người đến tham dự và chúng được lưu truyền mãi cùng năm tháng.

Chú thích:

¹ Tề Ngã và Phàn Trì đều là học trò không Tử; Cô Trúc là vua nước Cô Trúc đời Xuân Thu. Vũ Vương là ông vua người sáng lập ra nhà Chu. Hai câu đố của bên nữ này và hai câu đối của bên nam vừa dùng điển tích vừa chơi chữ: bốn chữ: Ngã, Trì, Trúc, Vương.

² *Đăng* có nghĩa là "đèn" hoặc "ánh sáng" theo nghĩa đen, và cũng có nghĩa là "lên", "trèo lên" hoặc "ghi lên" theo nghĩa bóng.

Giải thích chi tiết: Trong tiếng Hán, "đăng" (登) có nghĩa là đèn, ánh sáng, ngọn đèn. Đây là nghĩa phổ biến nhất của từ này, thường được dùng để chỉ vật dụng chiếu sáng ban đêm hoặc biểu tượng cho sự soi sáng, hy vọng.

³ "Thành" có hai nghĩa chính: Nghĩa thứ nhất là "thật", chỉ sự chân thật, không giả dối, như trong từ "chân thành" (thật lòng); Nghĩa thứ hai là "nên", chỉ sự cần phải, thường xuất hiện trong các cấu trúc như "cần phải thành" (cần phải làm) hoặc "nên làm".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Thúy Hà (2014), "Chủ đề tình yêu và khát vọng hạnh phúc gia đình trong hát ví phường vải Nghệ Tĩnh", <http://khuditichkimlien.gov.vn/vi/hat-phuong-vai-nghe-tinh-ssn105.html>, 2014.
2. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (1992), "Hò, Ví và Giặm Nghệ Tĩnh", Tạp chí *Nghiên cứu văn học nghệ thuật*, số 6, tr.31-36.
3. Vũ Tố Hào (1990), "Vài ghi nhận về con người và bản sắc văn hoá Nghệ Tĩnh", Tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 3, tr.69-72.
4. Duy Hưng (2014), "Bảo tồn và phát huy giá trị của dân ca Ví, giặm Nghệ Tĩnh", nguồn TUYÊN GIÁO, *Tạp chí của Ban Tuyên giáo Trung ương*, <https://www.tuyengiao.vn>van-hoa-xa-hoi>, 12/05/2014.
5. Nguyễn Thị Mai Hoa (2000), *Đặc điểm ngôn ngữ giới tính trong Hát phường vải Nghệ Tĩnh*, Luận án TS Ngữ văn.

6. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (2007), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh

7. Brown P & Levinson S. (1987), *Politeness: some Universals in Language Usage*, Cambridge University Press.
 8. Grice HP (1989), *Studier in the way of words*, Cambridge University Press.
 9. Searle JR (1979), *Expression and meaning*, Cambridge University Press.

NGUỒN NGŨ LIỆU

Ninh Việt Giao (1993), *Hát phường vải*, Nxb Nghệ An.

The art of wordplay in the riddle stage: male-female antiphonal singing in *Hát phường vải*

Abstract: Nghệ Tĩnh *Hát phường vải* is a vibrant style of male-female antiphonal love singing governed by strict, unique structural rules and defined by artistic techniques characteristic of the "Nghệ Region" (*Xứ Nghệ*). This paper focuses on analyzing the art of wordplay in Phase 2: *Hát đố* (Riddle singing performed by females) and *Hát đối* (Responsive singing performed by males) as an answer to the female team's prompts.

Based on statistical data compiled from the collection *Hát phường vải* by Ninh Việt Giao, out of a total of 45 male-female riddle-and-response singing pairs, the wordplay techniques can be classified into the following 6 sub-groups: 1/Homophonous wordplay with different meanings (classified into two levels); 2/Heterophonous wordplay with synonymous meanings (Native Vietnamese words - Sino-Vietnamese words); 3/Wordplay using antonymous phrases through contextual semantics; 4/Wordplay using spoonerisms/ language play (Nghệ Tĩnh style); 5/Wordplay using Sino-Vietnamese words synonymous with native Vietnamese words; 6/Homophonous wordplay using monosyllabic words with different meanings.

Key words: Wordplay; riddle singing; antiphonal singing; poetic devices; context.